

Số: /2021/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày

tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích  
sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng*

thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 371/TTr-SNNPTNT ngày 09 tháng 12 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2733/BC-STP ngày 07 tháng 12 năm 2021.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:**

- |                                    |                      |
|------------------------------------|----------------------|
| 1. Rừng tự nhiên là rừng đặc dụng: | 143.044.022 đồng/ha. |
| 2. Rừng tự nhiên là rừng phòng hộ: | 130.765.766 đồng/ha. |
| 3. Rừng tự nhiên là rừng sản xuất: | 123.886.542 đồng/ha. |
| 4. Rừng trồng:                     | 99.772.145 đồng/ha.  |

### **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng và điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế**

1. Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là cơ sở để xác định số tiền Chủ dự án phải nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh khi Chủ dự án không tự trồng rừng thay thế theo quy định.

2. Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được xem xét điều chỉnh khi có quy định mới của cấp có thẩm quyền ban hành hoặc khi có yếu tố giá cả và các yếu tố khác biến động làm tăng hoặc giảm trên 10% so với đơn giá trồng rừng thay thế quy định hiện hành liên tục trong thời gian sáu (06) tháng trở lên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đơn giá trồng rừng thay thế cho phù hợp.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quyết định này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch trồng rừng thay thế hàng năm, phân bổ kinh phí cho các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh hoặc tổ chức, đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật để trồng rừng thay thế trên diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng từ nguồn kinh phí trồng rừng thay thế do các Chủ dự án nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; trường hợp trên địa bàn tỉnh không còn quỹ đất để trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ trồng rừng sản xuất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai công tác trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, hiệu quả; chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế của các đơn vị, tổ chức được giao kinh phí trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh thực hiệu quả, theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh lập phương án phân bổ kinh phí hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức tiếp nhận, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính hướng dẫn, giám sát Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và các đơn vị có liên quan trong việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí trồng rừng thay thế theo đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác trồng rừng thay thế trên địa bàn.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 12 năm 2021 và bãi bỏ Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích trồng rừng sang mục đích sử dụng khác trên địa bàn tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. HC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Huyền**